

DANH MỤC CỔ PHIẾU KÝ QUỸ (MARGIN)

Ngày hiệu lực: 11/09/2019

STT	Mã chứng khoán	Tỷ lệ cho vay	Sàn
1	AAA	50%	HSX
2	ABT	50%	HSX
3	ACC	40%	HSX
4	ACL	30%	HSX
5	ADS	45%	HSX
6	AGM	30%	HSX
7	ANV	40%	HSX
8	APG	30%	HSX
9	ASM	40%	HSX
10	ASP	35%	HSX
11	BBC	40%	HSX
12	BCE	40%	HSX
13	BFC	50%	HSX
14	BIC	45%	HSX
15	BID	50%	HSX
16	BMC	35%	HSX
17	BMI	40%	HSX
18	BMP	50%	HSX
19	BRC	35%	HSX
20	BSI	50%	HSX
21	BTT	40%	HSX
22	BVH	50%	HSX
23	BWE	30%	HSX
24	C32	50%	HSX
25	CAV	45%	HSX
26	CCI	30%	HSX
27	CCL	40%	HSX
28	CDC	30%	HSX
29	CII	50%	HSX
30	CLC	40%	HSX
31	CLL	50%	HSX
32	CMG	40%	HSX
33	CMV	30%	HSX
34	CNG	50%	HSX
35	COM	40%	HSX
36	CRC	20%	HSX
37	CRE	40%	HSX
38	CSM	50%	HSX

STT	Mã chứng khoán	Tỷ lệ cho vay	Sàn
39	CSV	50%	HSX
40	CTD	40%	HSX
41	CTF	30%	HSX
42	CTG	50%	HSX
43	CTI	40%	HSX
44	CTS	50%	HSX
45	CVT	40%	HSX
46	D2D	50%	HSX
47	DAT	30%	HSX
48	DCM	50%	HSX
49	DGW	50%	HSX
50	DHA	50%	HSX
51	DHC	45%	HSX
52	DHG	50%	HSX
53	DHM	30%	HSX
54	DIG	50%	HSX
55	DLG	30%	HSX
56	DMC	50%	HSX
57	DPG	20%	HSX
58	DPM	50%	HSX
59	DPR	40%	HSX
60	DRC	50%	HSX
61	DRH	30%	HSX
62	DRL	30%	HSX
63	DSN	50%	HSX
64	DTT	30%	HSX
65	DVP	50%	HSX
66	DXG	50%	HSX
67	EMC	30%	HSX
68	EVE	40%	HSX
69	EVG	50%	HSX
70	FCM	40%	HSX
71	FCN	50%	HSX
72	FIT	50%	HSX
73	FLC	50%	HSX
74	FMC	40%	HSX
75	FPT	50%	HSX
76	FTS	50%	HSX
77	GAS	50%	HSX
78	GDT	40%	HSX
79	GEX	50%	HSX
80	GMC	50%	HSX
81	GMD	50%	HSX
82	GSP	40%	HSX
83	GTA	35%	HSX

STT	Mã chứng khoán	Tỷ lệ cho vay	Sàn
84	GTN	45%	HSX
85	HAH	50%	HSX
86	HAP	40%	HSX
87	HAR	40%	HSX
88	HAX	35%	HSX
89	HBC	50%	HSX
90	HCD	50%	HSX
91	HCM	50%	HSX
92	HDB	50%	HSX
93	HDC	40%	HSX
94	HHS	50%	HSX
95	HII	50%	HSX
96	HMC	30%	HSX
97	HOT	30%	HSX
98	HPG	50%	HSX
99	HQC	50%	HSX
100	HRC	35%	HSX
101	HSG	50%	HSX
102	HSL	20%	HSX
103	HT1	40%	HSX
104	HTI	40%	HSX
105	HTL	40%	HSX
106	HTV	45%	HSX
107	HU1	50%	HSX
108	HU3	50%	HSX
109	IBC	30%	HSX
110	IDI	40%	HSX
111	IJC	50%	HSX
112	IMP	50%	HSX
113	ITA	50%	HSX
114	ITD	40%	HSX
115	KBC	50%	HSX
116	KDH	40%	HSX
117	KMR	50%	HSX
118	KSB	45%	HSX
119	L10	40%	HSX
120	LBM	40%	HSX
121	LCG	45%	HSX
122	LDG	50%	HSX
123	LGC	40%	HSX
124	LGL	40%	HSX
125	LHG	45%	HSX
126	LIX	40%	HSX
127	LM8	40%	HSX
128	MBB	50%	HSX

STT	Mã chứng khoán	Tỷ lệ cho vay	Sàn
129	MDG	35%	HSX
130	MHC	40%	HSX
131	MSN	50%	HSX
132	MWG	50%	HSX
133	NAF	40%	HSX
134	NBB	40%	HSX
135	NKG	50%	HSX
136	NLG	50%	HSX
137	NNC	50%	HSX
138	NSC	50%	HSX
139	NT2	50%	HSX
140	NTL	50%	HSX
141	NVL	50%	HSX
142	OPC	50%	HSX
143	PAC	50%	HSX
144	PAN	50%	HSX
145	PC1	45%	HSX
146	PDN	45%	HSX
147	PDR	40%	HSX
148	PET	50%	HSX
149	PGC	50%	HSX
150	PGD	50%	HSX
151	PGI	45%	HSX
152	PHR	50%	HSX
153	PJT	40%	HSX
154	PLX	50%	HSX
155	PME	50%	HSX
156	PNJ	50%	HSX
157	PPC	50%	HSX
158	PTB	45%	HSX
159	PVT	50%	HSX
160	RAL	50%	HSX
161	REE	50%	HSX
162	ROS	25%	HSX
163	S4A	50%	HSX
164	SAB	50%	HSX
165	SAM	50%	HSX
166	SBA	40%	HSX
167	SBT	50%	HSX
168	SC5	40%	HSX
169	SCR	50%	HSX
170	SFG	45%	HSX
171	SFI	40%	HSX
172	SHA	40%	HSX
173	SHI	40%	HSX

STT	Mã chứng khoán	Tỷ lệ cho vay	Sàn
174	SHP	35%	HSX
175	SJD	40%	HSX
176	SJF	50%	HSX
177	SJS	40%	HSX
178	SMA	30%	HSX
179	SMC	40%	HSX
180	SPM	30%	HSX
181	SRC	45%	HSX
182	SSC	35%	HSX
183	SSI	50%	HSX
184	ST8	30%	HSX
185	STB	50%	HSX
186	STG	35%	HSX
187	STK	30%	HSX
188	SVC	40%	HSX
189	SVI	35%	HSX
190	SVT	30%	HSX
191	SZL	45%	HSX
192	TAC	40%	HSX
193	TBC	30%	HSX
194	TCB	30%	HSX
195	TCD	30%	HSX
196	TCH	50%	HSX
197	TCL	50%	HSX
198	TCM	50%	HSX
199	TCO	30%	HSX
200	TCT	45%	HSX
201	TDG	50%	HSX
202	TDH	50%	HSX
203	TDW	35%	HSX
204	TEG	40%	HSX
205	THG	45%	HSX
206	THI	50%	HSX
207	TIP	40%	HSX
208	TIX	35%	HSX
209	TLD	30%	HSX
210	TLG	45%	HSX
211	TLH	45%	HSX
212	TMP	40%	HSX
213	TMS	40%	HSX
214	TNA	45%	HSX
215	TNC	40%	HSX
216	TNI	30%	HSX
217	TPB	50%	HSX
218	TPC	35%	HSX

STT	Mã chứng khoán	Tỷ lệ cho vay	Sàn
219	TRA	50%	HSX
220	TRC	40%	HSX
221	TTB	40%	HSX
222	TV2	45%	HSX
223	TVS	50%	HSX
224	TYA	30%	HSX
225	UIC	45%	HSX
226	VAF	35%	HSX
227	VCB	50%	HSX
228	VCF	40%	HSX
229	VCI	50%	HSX
230	VDS	50%	HSX
231	VFG	45%	HSX
232	VGC	50%	HSX
233	VHC	50%	HSX
234	VHM	50%	HSX
235	VIC	50%	HSX
236	VID	50%	HSX
237	VJC	50%	HSX
238	VMD	45%	HSX
239	VND	50%	HSX
240	VNE	50%	HSX
241	VNG	35%	HSX
242	VNM	50%	HSX
243	VNS	45%	HSX
244	VPB	50%	HSX
245	VPG	20%	HSX
246	VPH	45%	HSX
247	VPI	30%	HSX
248	VPS	45%	HSX
249	VRC	40%	HSX
250	VRE	50%	HSX
251	VSC	50%	HSX
252	VSI	35%	HSX
253	VTB	40%	HSX
254	VTO	45%	HSX
255	ACB	50%	HNX
256	ADC	30%	HNX
257	ALT	30%	HNX
258	AME	30%	HNX
259	ARM	30%	HNX
260	BAX	50%	HNX
261	BBS	30%	HNX
262	BDB	20%	HNX
263	BPC	50%	HNX

STT	Mã chứng khoán	Tỷ lệ cho vay	Sàn
264	BSC	25%	HNX
265	BST	20%	HNX
266	BTS	40%	HNX
267	BVS	50%	HNX
268	BXH	25%	HNX
269	C69	50%	HNX
270	CAP	40%	HNX
271	CEO	50%	HNX
272	CIA	30%	HNX
273	CLH	40%	HNX
274	CLM	30%	HNX
275	CPC	40%	HNX
276	CSC	50%	HNX
277	CTB	20%	HNX
278	CTT	50%	HNX
279	CX8	20%	HNX
280	D11	30%	HNX
281	DAD	50%	HNX
282	DAE	40%	HNX
283	DBT	40%	HNX
284	DC4	30%	HNX
285	DGC	50%	HNX
286	DHP	40%	HNX
287	DHT	45%	HNX
288	DID	30%	HNX
289	DNC	40%	HNX
290	DNP	35%	HNX
291	DPC	30%	HNX
292	DS3	20%	HNX
293	DXP	40%	HNX
294	EBS	40%	HNX
295	ECI	30%	HNX
296	GLT	50%	HNX
297	GMX	30%	HNX
298	HAD	40%	HNX
299	HBS	30%	HNX
300	HCC	30%	HNX
301	HDA	50%	HNX
302	HEV	30%	HNX
303	HHC	50%	HNX
304	HHG	30%	HNX
305	HJS	40%	HNX
306	HLC	30%	HNX
307	HLD	45%	HNX
308	HMH	50%	HNX

STT	Mã chứng khoán	Tỷ lệ cho vay	Sàn
309	HOM	40%	HNX
310	HST	30%	HNX
311	HTC	35%	HNX
312	HTP	40%	HNX
313	IDV	50%	HNX
314	INC	30%	HNX
315	INN	40%	HNX
316	ITQ	35%	HNX
317	KLF	50%	HNX
318	KMT	35%	HNX
319	KST	40%	HNX
320	KTS	40%	HNX
321	KVC	35%	HNX
322	L14	40%	HNX
323	L18	40%	HNX
324	L62	35%	HNX
325	LAS	50%	HNX
326	LBE	30%	HNX
327	LCD	30%	HNX
328	LHC	45%	HNX
329	LIG	35%	HNX
330	MAC	40%	HNX
331	MAS	50%	HNX
332	MBG	50%	HNX
333	MBS	50%	HNX
334	MCC	35%	HNX
335	MCF	40%	HNX
336	MCO	30%	HNX
337	MDC	35%	HNX
338	MST	35%	HNX
339	NAG	40%	HNX
340	NBC	35%	HNX
341	NBP	30%	HNX
342	NDN	50%	HNX
343	NET	50%	HNX
344	NFC	40%	HNX
345	NHA	50%	HNX
346	NHC	35%	HNX
347	NSH	30%	HNX
348	NTP	50%	HNX
349	NVB	50%	HNX
350	ONE	50%	HNX
351	PBP	50%	HNX
352	PCE	35%	HNX
353	PDB	40%	HNX

STT	Mã chứng khoán	Tỷ lệ cho vay	Sàn
354	PGS	50%	HNX
355	PIC	50%	HNX
356	PJC	40%	HNX
357	PLC	50%	HNX
358	PMB	35%	HNX
359	PMC	50%	HNX
360	PMS	35%	HNX
361	POT	30%	HNX
362	PPP	30%	HNX
363	PPS	30%	HNX
364	PPY	30%	HNX
365	PSC	30%	HNX
366	PSD	35%	HNX
367	PSE	30%	HNX
368	PSW	30%	HNX
369	PTI	40%	HNX
370	PTS	40%	HNX
371	PVG	50%	HNX
372	PVI	50%	HNX
373	PVS	50%	HNX
374	QTC	35%	HNX
375	RCL	45%	HNX
376	S55	35%	HNX
377	SAF	40%	HNX
378	SCI	30%	HNX
379	SD4	40%	HNX
380	SD5	40%	HNX
381	SD9	45%	HNX
382	SDC	30%	HNX
383	SDG	35%	HNX
384	SDN	35%	HNX
385	SDT	45%	HNX
386	SEB	35%	HNX
387	SED	50%	HNX
388	SFN	30%	HNX
389	SGC	30%	HNX
390	SGD	30%	HNX
391	SGH	30%	HNX
392	SHB	50%	HNX
393	SHN	40%	HNX
394	SHS	50%	HNX
395	SJ1	30%	HNX
396	SJE	50%	HNX
397	SLS	30%	HNX
398	SMN	30%	HNX

STT	Mã chứng khoán	Tỷ lệ cho vay	Sàn
399	STC	30%	HNX
400	TA9	35%	HNX
401	TBX	30%	HNX
402	TC6	35%	HNX
403	TCS	30%	HNX
404	TDN	30%	HNX
405	TET	50%	HNX
406	THS	30%	HNX
407	THT	30%	HNX
408	TIG	35%	HNX
409	TKU	35%	HNX
410	TMC	35%	HNX
411	TMX	30%	HNX
412	TNG	45%	HNX
413	TSB	35%	HNX
414	TTC	35%	HNX
415	TTH	40%	HNX
416	TTT	50%	HNX
417	TV3	35%	HNX
418	TV4	35%	HNX
419	TVC	35%	HNX
420	TVD	30%	HNX
421	VBC	40%	HNX
422	VC1	35%	HNX
423	VC3	40%	HNX
424	VC6	30%	HNX
425	VC7	35%	HNX
426	VCC	35%	HNX
427	VCG	50%	HNX
428	VCM	35%	HNX
429	VCS	45%	HNX
430	VDL	35%	HNX
431	VE3	30%	HNX
432	VE4	30%	HNX
433	VGS	50%	HNX
434	VHL	45%	HNX
435	VIT	45%	HNX
436	VIX	45%	HNX
437	VMC	35%	HNX
438	VMS	35%	HNX
439	VNC	45%	HNX
440	VNR	50%	HNX
441	VNT	40%	HNX
442	VSA	45%	HNX
443	VTV	45%	HNX

STT	Mã chứng khoán	Tỷ lệ cho vay	Sàn
444	WCS	40%	HNX

QUY ĐỊNH VỀ GIAO DỊCH KÝ QUỸ

Ngày áp dụng: Từ 03/11/2017

STT	Chỉ tiêu	Quy định tại HFT
Khoản vay và lãi suất		
1	Thời hạn khoản vay	Tối đa 90 ngày
2	Gia hạn khoản vay	Tối đa 01 lần
3	Lãi suất cho vay	9%/năm hay 0.025%/ngày
Tài sản đảm bảo		
4	Danh mục tài sản đảm bảo	Tiền mặt, Tiền bán chờ về
		Chứng khoán ký quỹ trên tài khoản và chờ về
5	Giá trị định giá quyền, cổ tức, cổ phiếu thường	Bằng 0
Các tỷ lệ quản trị rủi ro		
6	Tỷ lệ ký quỹ ban đầu	Tối thiểu 50%
7	Tỷ lệ ký quỹ duy trì	40%
8	Tỷ lệ cảnh báo	35%
9	Tỷ lệ giải chấp	30%
Rút tiền trên tài khoản ký quỹ		
10	Tỷ lệ ký quỹ khi rút tiền	Đảm bảo tỷ lệ ký quỹ ban đầu

TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY
CỔ PHẦN
CHỨNG KHOÁN
HFT
Đ. THANH XUÂN - TP. HÀ NỘI



Hoàng Như Hải